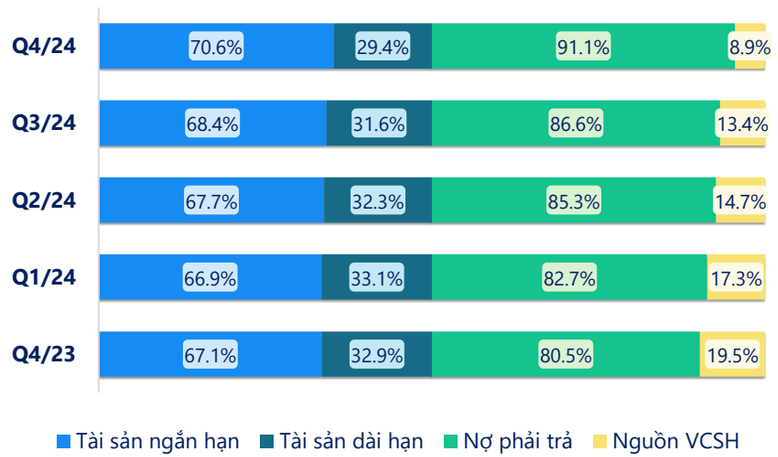
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,600
SL cổ phiếu LH	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	183,970
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
P/E	-0.3
EPS	-5,029

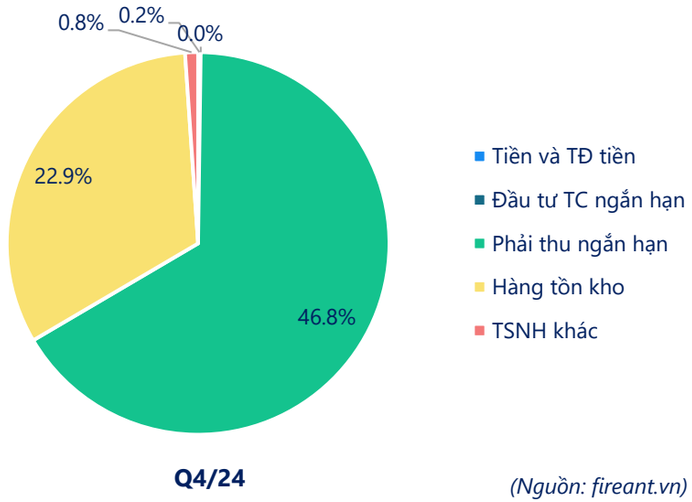
	YTD	1T	3T	6T
DFF	-5.6%	-22.7%	-81.1%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

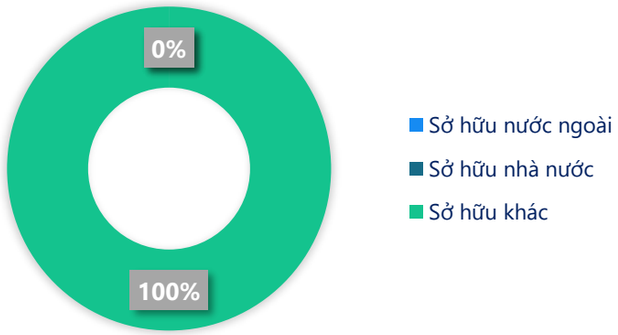
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/24

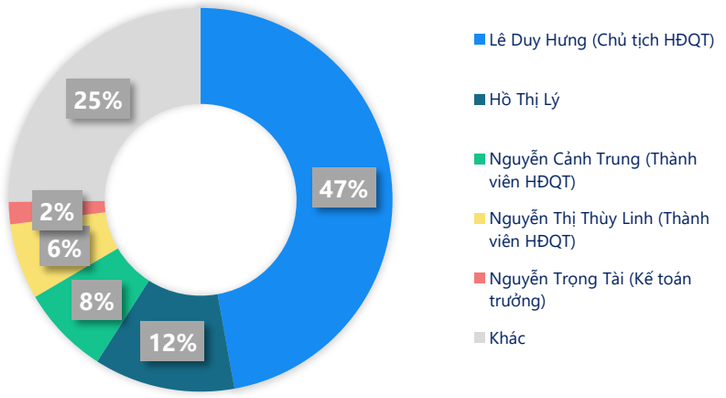
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



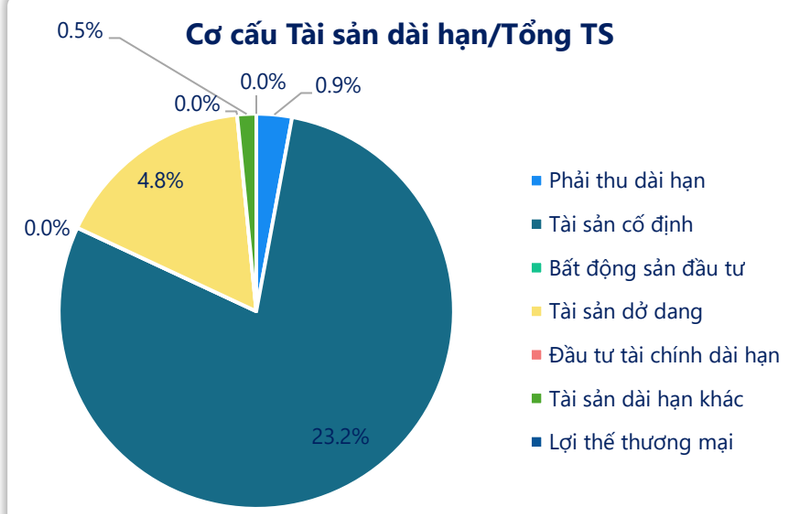
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



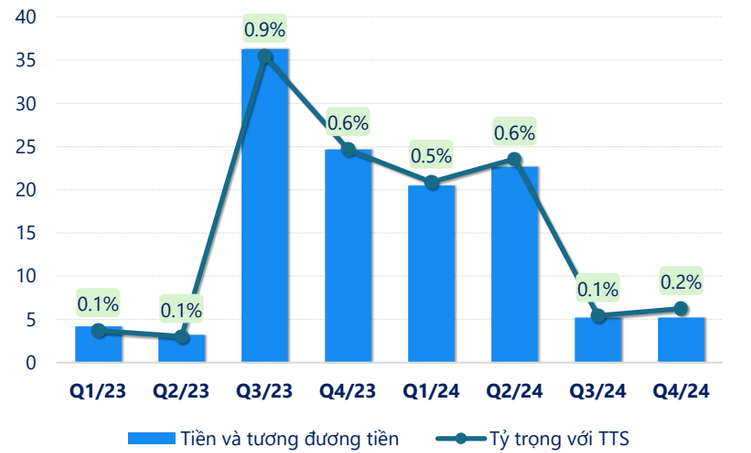
Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

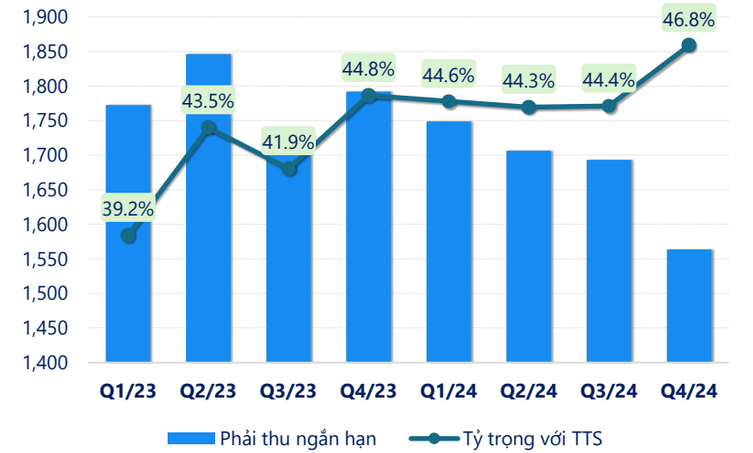
CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Tiền và tương đương tiền



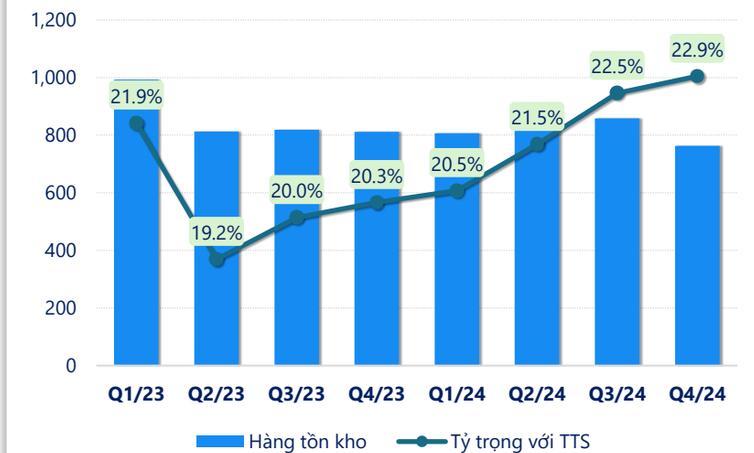
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



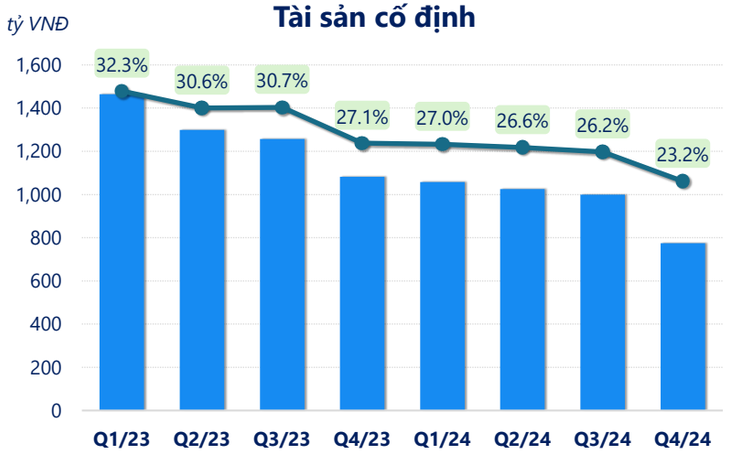
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



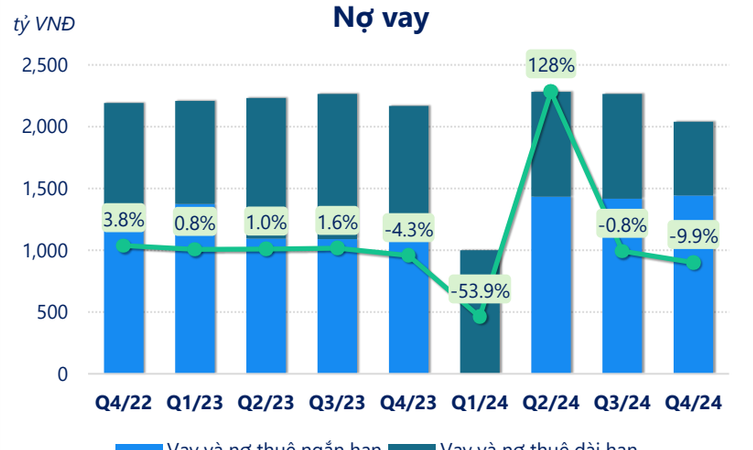
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



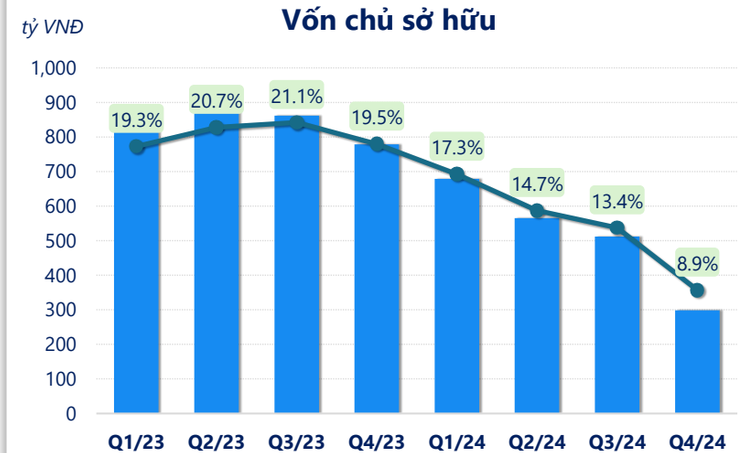
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

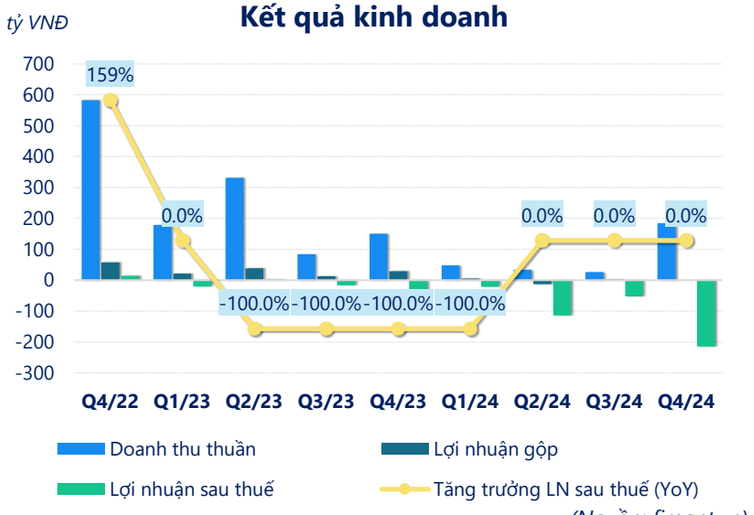
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

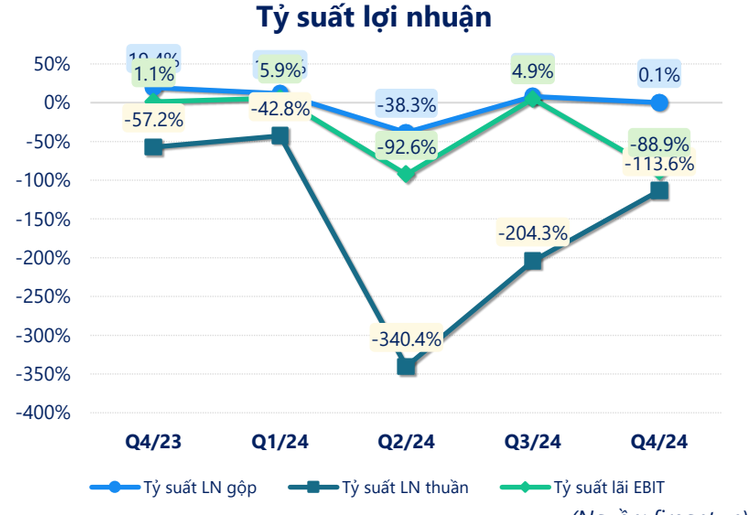
CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

Kết quả kinh doanh



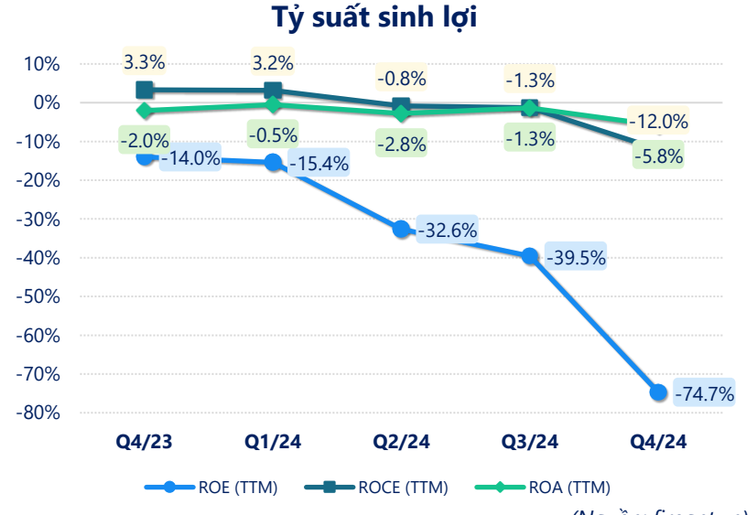
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



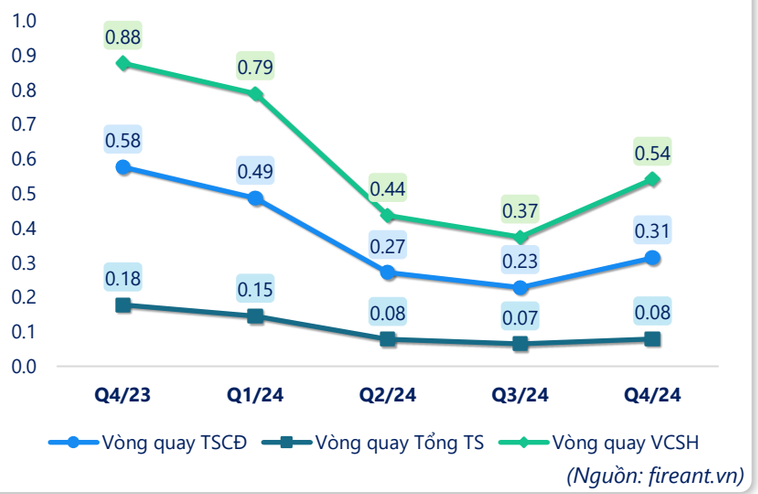
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



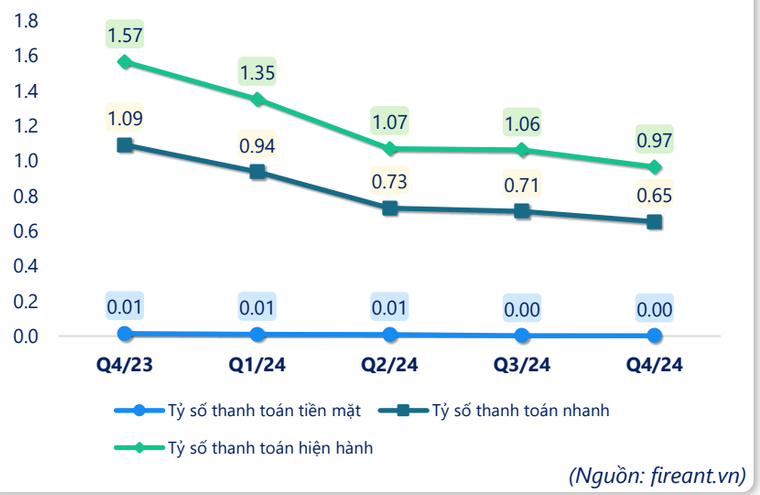
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



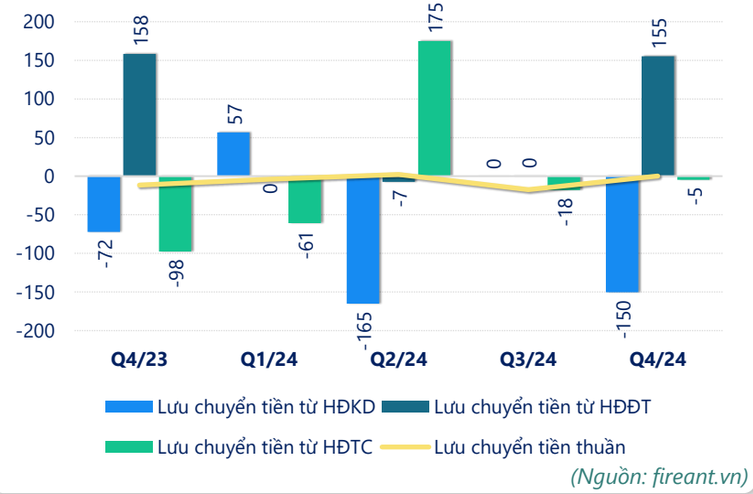
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,338**	**3,955**	**-15.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,358	2,628	-10.3%
Tiền và tương đương tiền	5.21	24.6	-78.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,564	1,759	-11.1%
Hàng tồn kho	763	792	-3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	25.7	53.3	-51.7%
Tài sản dài hạn	**980**	**1,326**	**-26.1%**
Phải thu dài hạn	28.5	63.3	-55.0%
Tài sản cố định	775	1,082	-28.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	162	149	8.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0	
Tài sản dài hạn khác	**15.2**	**31.4**	**-51.6%**
Lợi thế thương mại	0	0.03	-100%
Nợ phải trả	3,040	3,254	-6.6%
Nợ ngắn hạn	**2,441**	**1,953**	**25.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,442	1,168	23.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	531	435	22.1%
Nợ dài hạn	599	1,302	-54.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	598	1,000	-40.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**298**	**700**	**-57.4%**
Vốn chủ sở hữu	**298**	**700**	**-57.4%**
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	150	48.0	33.5	25.8	184
Giá vốn hàng bán	121	42.4	46.3	23.7	184
Lợi nhuận gộp	29.1	5.58	-12.8	2.08	0.12
Doanh thu HĐTC	-11.7	2.03	4.29	2.91	0.85
Chi phí TC	98.3	24.1	102	54.2	52.9
Chi phí lãi vay	85.1	24.1	82.9	54.2	50.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.80	4.07	3.42	3.51	158
LN thuần từ HĐKD	-85.7	-20.5	-114	-52.8	-209
Lợi nhuận khác	2.24	-0.71	-0.02	-0.21	-4.73
LN trước thuế	-83.4	-21.2	-114	-53.0	-214
Lợi nhuận sau thuế	-82.4	-21.2	-114	-53.0	-214
LNST của CĐ cty mẹ	-83.4	-21.2	-114	-53.0	-214

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-72.2	56.8	-165	0.33	-150
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	158	-0.01	-7.47	0.41	155
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-97.7	-60.9	175	-18.2	-4.66
Tiền đầu kỳ	36.3	24.6	20.5	22.7	5.20
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.6**	**-4.15**	**2.18**	**-17.5**	**0.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.6	20.5	22.7	5.20	5.21

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic